

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /5/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, hơi mùi, khí thải phát sinh từ công đoạn ép viên, làm nguội.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi đốt dầu công suất 01 tấn hơi/giờ.

2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả thải

2.1. Dòng khí thải: Gồm 02 dòng bụi, khí thải

| TT | Hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải | Dòng khí thải | Lưu lượng (m ³ /h) |
|----|---|---------------|-------------------------------|
| 1 | Hệ thống xử lý bụi, hơi mùi, khí thải phát sinh từ công đoạn ép viên, làm nguội | KT1 | 7.000 |
| 2 | Hệ thống thoát bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi đốt dầu công suất 01 tấn hơi/giờ | KT2 | 6.500 |

2.2. Vị trí xả khí thải

- KT1: Tọa độ X(m) = 2261800; Y(m) = 561346.

- KT2: Tọa độ X(m) = 2261801; Y(m) = 561418.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰)

2.3. Phương thức xả khí thải

Xả cưỡng bức bằng quạt hút, gián đoạn không theo chu kỳ.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) với giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi phát thải ra môi trường không khí $C_{max} = C \times K_q \times K_v$ (Áp dụng hệ số $K_p = 1$, $K_v = 1$ đối với KT1 và KT2), cụ thể như sau:

a) Đối với bụi, hơi mùi, khí thải phát sinh từ công đoạn ép viên, làm nguội

| TT | Thông số ô nhiễm | Đơn vị | Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) |
|----|------------------|--------------------|---|
| | | | Giá trị C = C _{max} |
| 1 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | 200 |

| | | | |
|---|------------------|--------------------|-----|
| 2 | H ₂ S | mg/Nm ³ | 7,5 |
| 3 | NH ₃ | mg/Nm ³ | 50 |

b) Đối với bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi đốt dầu công suất 01 tấn hơi/giờ

| TT | Thông số ô nhiễm | Đơn vị | Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) |
|----|--|--------------------|---|
| | | | Giá trị C = C _{max} |
| 1 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | 200 |
| 2 | SO ₂ | mg/Nm ³ | 500 |
| 3 | NO _x (tính theo NO ₂) | mg/Nm ³ | 850 |
| 4 | CO | mg/Nm ³ | 1.000 |

Khi có sự thay đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, hơi mùi, khí thải phát sinh từ công đoạn ép viên, làm nguội được thu gom bằng chụp hút, quạt hút và đường ống về hệ thống để xử lý.

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi đốt dầu công suất 01 tấn hơi/giờ được thu gom bằng chụp hút, quạt hút và đường ống về hệ thống để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Đối với hệ thống xử lý bụi, hơi mùi, khí thải phát sinh từ công đoạn ép viên, làm nguội

- Tóm tắt quy trình, công nghệ xử lý: Bụi, hơi mùi, khí thải → Chụp hút, quạt hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống phông không cao 03 m so mái nhà xưởng (Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: 120 kg than hoạt tính/năm.

1.2.2. Đối với hệ thống thoát bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi đốt dầu công suất 01 tấn hơi/giờ

Tóm tắt quy trình thu gom, thoát bụi, khí thải: Bụi, khí thải → Ống khói cao 08 m so với sàn nhà đặt lò hơi (Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)) → Môi trường.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ có chuyên môn phụ trách về môi trường của dự án

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Chủ dự án cho kiểm tra xác định nguyên nhân để sửa chữa. Nếu lỗi nhỏ có thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn thì hoạt động sản xuất tại khu vực đó vẫn tiếp tục diễn ra bình thường; trường hợp cần có thời gian dài để sửa chữa, Chủ dự án dừng sản xuất tại khu vực đó và tiến hành sửa chữa sau khi sửa xong mới tiếp tục sản xuất.

- Kiểm định lò hơi định kỳ theo quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đối với Hệ thống thoát bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi đốt dầu công suất 01 tấn hơi/giờ sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

- Đối với hệ thống xử lý bụi, hơi mùi, khí thải phát sinh từ công đoạn ép viên, làm nguội thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ tháng 01/2025 đến tháng 6/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn ép viên, làm nguội.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Như tại mục 2.1 phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.4 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu khí thải: Ít nhất 01 ngày/lần tại 01 lỗ kỹ thuật trên thân 01 ống phóng không của hệ thống xử lý bụi, hơi mùi, khí thải phát sinh từ công đoạn ép viên, làm nguội trong 03 ngày liên tiếp (quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp, Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Đại Phong trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.4 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải.
- Theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành đầy đủ các thông tin trong quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.
- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải, thông số không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.4 phần A Phụ lục này, Chủ dự án phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải, thực hiện các biện pháp khắc phục và kịp thời báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh để xử lý./.